TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 104/2025/DS-ST
Ngày: 04-9-2025
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Xuân Thùy.**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Nguyễn Thị Kim Cúc**.
2. Bà **Phan Thị Thanh Dung**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Đà Nẵng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Trần Anh Vân** – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại Phòng xét xử Toà án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng (cơ sở 2) tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2025/TLST-DS ngày 10/6/2025 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2025/QĐXXST - DS ngày 05 tháng 8 năm 2025, quyết định hoãn phiên toà số 16/2025/QĐST-DS ngày 26/8/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCPT, địa chỉ: phường C, thành phố H. Đại diện theo pháp luật: Ông ĐMP, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông ĐVC, chức vụ: Giám đốc Trung tâm xử lý nợ khách hàng cá nhân – khối giám sát tín dụng và xử lý nợ khách hàng cá nhân.

Ông ĐVC uỷ quyền lại cho bà HTTN; và/ hoặc bà TTH; và/ hoặc bà NTT; và/ hoặc ông LVĐ; và/ hoặc ông NNL; và/ hoặc ông ĐVN; và/ hoặc ông TTH – Đội xử lý nợ 3, Trung tâm xử lý nợ khách hàng cá nhân Ngân hàng TMCPT. Ông LVĐ có mặt.

- Bị đơn: Ông NXH, sinh năm: 1997 và bà LTTH, sinh năm: 1995, cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố Đ. Ông NXH, bà LTTH vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/10/2019, Ngân hàng TMCPT (TP Bank) và bà LTTH, ông NXH có giao kết hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 413/2019/HĐTD/QNM, nội dung: số tiền vay: 615.000.000 đồng; mục đích vay mua ô tô và thanh toán tiền bảo

hiểm nhân thọ; phương thức vay: cho vay từng lần; ngày giải ngân 10/10/2019; thời hạn và lãi suất cho vay: 72 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày đề nghị giải ngân đối với món vay 600.000.000 đồng mua ô tô, lãi suất từ ngày 10/10/2019 đến 10/10/2020 là 8,9%/ năm, thời gian tiếp theo đến 10/10/2025 điều chỉnh 3 tháng một lần và bằng lãi suất tiết kiệm 12M* của TP Bank tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4.0%/ năm; và 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày đề nghị giải ngân đối với món vay 15.000.000 đồng, lãi suất 12,7%/ năm tính từ ngày 10/10/2019 đếm 10/01/2020, thời gian tiếp theo đến ngày 10/10/2020 điều chỉnh 3 tháng một lần và bằng lãi suất tiết kiệm 12M* của TP Bank tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4.5%/ năm. Tài sản bảo đảm khoản vay là xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu Forland, số loại: Thaco, màu xanh, số khung RNHA16FAJC073908, số máy: YC4E160-48*E48F3H00001, biển kiểm soát 92C-159.78, giấy chứng nhận đăng ký ô tô số 036101 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Nam cấp ngày 04/10/2019 đứng tên ông NXH.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông NXH, bà LTTH đã thanh toán cho TPBank số tiền 738.284.862 đồng, trong đó gồm 533.333.312 đồng tiền gốc và 204.951.55 đồng tiền lãi. Kể từ kỳ trả nợ tháng 11/2024 đến nay ông NXH, bà LTTH thường xuyên vi phạm nghĩa vụ trả nợ và để phát sinh nợ quá hạn. TP Bank nhiều lần đôn đốc nhưng ông NXH, bà LTTH vẫn không hợp tác trả nợ. Do vậy, TPBank làm đơn khởi kiện, yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông NXH, bà LTTH phải trả số nợ gốc 66.666.688 đồng và lãi tạm tính đến ngày 19/4/2025 là 2.344.269 đồng và lãi phát sinh tiếp theo hợp đồng. Sau khi toà án thụ lý vụ án, ông NXH, bà LTTH đã trả cho Ngân hàng được số tiền 47.213.923 đồng, gồm 41.700.981 đồng nợ gốc và 5.512.942 đồng nợ lãi tính đến thời điểm trả tiền. Tại phiên toà, đại diện TPBank yêu cầu bị đơn trả số nợ gốc: 24.965.707 đồng và lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 451.207 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng vay. Trường hợp không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Bị đơn ông NXH, bà LTTH không có lời trình bày tại hồ sơ, không có mặt tại phiên toà nên không ghi nhận ý kiến gì.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Bị đơn không tham gia phiên họp, phiên hoà giải, phiên toà khi Toà triệu tập là vi phạm pháp luật tố tụng. Về nội dung vụ án: căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 466, 468 Bộ luật dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Buộc ông NXH, bà LTTH có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCPT số nợ gốc 24.965.707 đồng và lãi tạm tính đến ngày 04/9/2025 là 451.207 đồng và lãi phát sinh tiếp theo thoả thuận tại hợp đồng tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp ông NXH và bà LTTH không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCPT có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô BKS 036101 theo hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 413/2019/HĐTD/QNM.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là tổ chức tín dụng đã nộp đơn và các chứng cứ theo quy định, khởi kiện ông NXH, bà LTTH, cùng trú tại: Thôn T, xã T, huyện N, nay là Thôn T, xã T, thành phố Đ, yêu cầu trả tiền vay và lãi vay, trường hợp không trả hoặc trả không đầy đủ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng.

[3] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt ông NXH, bà LTTH lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà hợp lệ nên phiên tòa xét xử vụ án vẫn được tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Ngân hàng TMCPT và ông NXH, bà LTTH có giao kết hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 413/2019/HĐTD/QNM/01 ngày 10/10/2019. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông NXH, bà LTTH đã thanh toán cho TPBank số tiền 738.284.862 đồng, trong đó gồm 533.333.312 đồng tiền gốc và 204.951.55 đồng tiền lãi. Kể từ kỳ trả nợ tháng 11/2024 đến nay ông NXH, bà LTTH thường xuyên vi phạm nghĩa vụ trả nợ và để phát sinh nợ quá hạn. Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 04/9/2025, ông NXH, bà LTTH còn nợ Ngân hàng TMCPT số nợ gốc 24.965.707 đồng và lãi tạm tính là 451.207 đồng. Như vậy, ông NXH, bà LTTH đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được thoả thuận giữa hai bên cũng như Điều 466 Bộ luật dân sự. Việc Ngân hàng TMCPT khởi kiện yêu cầu ông NXH, bà LTTH có nghĩa vụ trả nợ gốc còn lại và lãi phát sinh theo thoả thuận tại hợp đồng đã ký kết giữa hai bên là có căn cứ chấp nhận.

[3.3] Tài sản thế chấp để bảo đảm khoản vay là xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu Forland, số loại: Thaco, màu xanh, số khung RNHA16FAJC073908, số máy: YC4E160-48*E48F3H00001, biển kiểm soát 92C-159.78, giấy chứng nhận đăng ký ô tô số 036101 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Nam cấp ngày 04/10/2019 đứng tên ông NXH. Đây là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của vợ chồng ông NXH, bà LTTH. Hợp đồng thế chấp tài sản được giao kết theo đúng quy định của pháp luật. Do vậy, trường hợp ông NXH, bà LTTH không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng TMCPT có quyền yêu cầu xử lý tài sản theo hợp đồng thế chấp nêu trên để đảm bảo thu hồi nợ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông NXH, bà LTTH phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng (điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024); Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCPT về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản*" với ông NXH, bà LTTH.

1/ Buộc ông NXH, bà LTTH phải trả cho Ngân hàng TMCPT số nợ gốc 24.965.707 đồng và lãi tạm tính đến ngày 04/9/2025 là 451.207 đồng và lãi phát sinh tiếp theo thoả thuận tại hợp đồng tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật.

2/ Trường hợp ông NXH và bà LTTH không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ, Ngân hàng TMCPT có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu Forland, số loại: Thaco, màu xanh, số khung RNHA16FAJC073908, số máy: YC4E160-48*E48F3H00001, biển kiểm soát 92C-159.78, giấy chứng nhận đăng ký ô tô số 036101 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Nam cấp ngày 04/10/2019 đứng tên ông NXH theo hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 413/2019/HĐTD/QNM/01 ngày 10/10/2019 để thu hồi nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 04/9/2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 413/2019/HĐTD/QNM/01 ngày 10/10/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm 1.270.845 đồng ông NXH, bà LTTH phải nộp.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCPT số tiền tạm ứng án phí 1.725.273 đồng theo biên lai thu số 0007270 ngày 10/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Xuân Thuỳ

Nơi nhận:
- *TAND thành phố Đà Nẵng;*
- *VKSND Khu vực 5 – Đà Nẵng;*
- *THA thành phố Đà Nẵng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*